

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về báo cáo tài chính giữa niên độ

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Kết thúc ngày 30/06/2015

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo kết quả công tác soát xét	3
3	Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	4 - 5
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	6
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	7 - 8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	9 - 21

- Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Trường Lưu
 - Ông Nguyễn Ngọc Sơn
 - Ông Triệu Văn Hồi
 - Ông Nguyễn Huy Hoàng
 - Ông Mai Văn Minh

- Ban giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Sơn
 - Ông Nguyễn Huy Hoàng

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Thuế giá Trị Gia Tăng - T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ năng lực hoạt động kiểm toán độc lập và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ năng lực hoạt động tư vấn thuế.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thuế giá Trị Gia Tăng - T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ năng lực hoạt động kiểm toán độc lập và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ năng lực hoạt động tư vấn thuế.

Lưu ý: Các tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và không nên dùng để làm cơ sở pháp lý cho các quyết định kinh doanh. Mọi chi tiết xin liên hệ Công ty TNHH Kiểm toán và Thuế giá Trị Gia Tăng - T.D.K tại địa chỉ: Số 11, Ngõ 10 Phố Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024 3755 1111.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Trụ sở : Số 13, ngõ 1, phố Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt (sau đây viết tắt là “Công ty) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp An Hưng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 8 năm 2014, mã số doanh nghiệp là 0104659943. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104168889 ngày 25/04/2015 lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 8 năm 2014, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là : Sản xuất, thương mại, xây dựng và dịch vụ.

Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính**Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Trường Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Triệu Văn Hối	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên
Ông Mai Tiến Minh	Thành viên

Ban giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 13, ngõ 1, phố Phùng Hưng, phường Phúc La,
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo Ban Giám đốc

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán giữa niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2015

TM. Ban Giám đốc



NGUYỄN NGỌC SƠN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số: 158.1 /BCKT - TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015 của
Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt được lập ngày 31/08/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 30/06/2015 được trình bày từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 03 tháng 09 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN TRUNG KIẾN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1129-2014-045-1

NGUYỄN TIẾN THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1706-2014-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.641.776.221	21.619.472.958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	422.822.510	829.671.530
1. Tiền	111		422.822.510	829.671.530
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.942.687.265	19.230.079.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	8.731.596.265	9.910.079.686
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	6.711.091.000	6.710.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.500.000.000	2.610.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		9.251.266.446	1.400.650.960
1. Hàng tồn kho	141	V.6	9.251.266.446	1.400.650.960
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.000.000	159.070.782
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	25.000.000	34.958.228
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	124.112.554
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.101.983.633	34.777.221.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		90.538.600	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	181.077.200	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(90.538.600)	-
II. Tài sản cố định	220		25.969.941.906	34.655.849.505
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.969.941.906	34.655.849.505
<i>Nguyên giá</i>	222		27.393.775.771	35.844.715.771
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.423.833.865)	(1.188.866.266)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	10.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		41.503.127	121.371.875
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	41.503.127	121.371.875
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.743.759.854	56.396.694.338

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		7.437.634.537	2.255.505.358
I. Nợ ngắn hạn		310		7.437.634.537	2.255.505.358
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.9	6.028.461.312	445.150.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.10	521.602.734	413.100.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.11	659.129.775	1.397.255.358
4. Phải trả người lao động		314		206.801.116	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.12	21.639.600	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		56.306.125.317	54.141.188.980
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.13	56.306.125.317	54.141.188.980
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		50.000.000.000	50.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		6.306.125.317	4.141.188.980
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		4.141.188.980	4.141.188.980
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		2.164.936.337	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		63.743.759.854	56.396.694.338

Người lập biểu

Kế toán trưởng



ĐÀO THỊ THANH HÀ

NGUYỄN ĐỒNG MINH

NGUYỄN NGỌC SƠN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.063.715.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.063.715.455
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	98.259.977.816
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.803.737.639
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	135.815
7. Chi phí tài chính	22		-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	25		13.033.273
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		518.191.965
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.272.648.216
11. Thu nhập khác	31	VI.4	1.502.911.191
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác	40		1.502.911.191
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.775.559.407
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	610.623.070
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.164.936.337</u>

Người lập biểu

ĐÀO THỊ THANH HÀ

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐỒNG MINH



NGUYỄN NGỌC SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		15.984.760.500
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.527.009.012)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.118.743.400)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.382.804.768)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		150.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(209.188.155)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		897.015.165
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.696.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		135.815
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.303.864.185)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		(406.849.020)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	829.671.530
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	422.822.510

Người lập biểu

ĐÀO THỊ THANH HÀ

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÔNG MINH



NGUYỄN NGỌC SƠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần xanh Hưng Việt (sau đây viết tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp An Hưng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 8 năm 2014, mã số doanh nghiệp là 0104659943.

Trụ sở: Số 13, ngõ 1, phố Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, xây dựng và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa cây cảnh;
- Trồng cây gia vị, các dược liệu;
- Dịch vụ chăm sóc duy trì cảnh quan;
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Bán mô tô, xe máy;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Thuộc, sơ chế da, sơ chế và nhuộm da lông thú;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại;
-

4. Nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 là 14 người.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do Công ty tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 30/06/2015, không có hàng tồn kho nào cần trích dự phòng giảm giá.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 08 năm |
| - Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 15 năm |

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

b. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \left[\text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \times \left(\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \right) \right]$$

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo. Nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

10. Phân phối lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt được trích lập các quỹ theo Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông, số còn lại có thể chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn thực góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là nợ phải trả khi có Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bổ sung vốn điều lệ cho công ty, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ sản xuất, trang bị làm việc.

Quỹ dự phòng tài chính: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bù đắp các tổn thất về tài sản do các nguyên nhân khách quan gây ra, bù các khoản lỗ do hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có);
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 22%.

14. Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	413.683.113	812.913.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.139.397	16.758.328
Cộng	422.822.510	829.671.530

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần ĐT và PT Nông nghiệp xanh Việt Nam	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-	-
Cộng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-	-

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	2.402.100.000	4.187.100.000
Công ty Cổ phần Nature Việt Nam	-	3.085.400.000
Nguyễn Mạnh Cường	1.184.117.279	-
Trần Thị Huyền	3.897.915.000	1.509.165.000
Đối tượng khác	1.247.463.986	1.128.414.686
Cộng	8.731.596.265	9.910.079.686

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Biển Đông	181.077.200	-
Cộng	181.077.200	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương Phú	6.710.000.000	6.710.000.000
Công ty TNHH Đầu tư PT & Thương mại Đại Nam	1.091.000	-
Cộng	6.711.091.000	6.710.000.000

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.500.000.000		2.610.000.000	
Cộng	<u>2.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.610.000.000</u>	<u>-</u>

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.482.755		54.857.143	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.385.757.957		1.345.793.817	
Thành phẩm	1.853.025.734			
Cộng	<u>9.251.266.446</u>	<u>-</u>	<u>1.400.650.960</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HUNG VIỆTSố 13, ngõ 1, phố Phùng Hưng, phường Phúc La
quận Hà Đông, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
kết thúc ngày 30/06/2015**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	35.282.352.136 (8.374.940.000)	271.454.545 (76.000.000)	290.909.090	35.844.715.771 (8.450.940.000)
Thanh lý, nhượng bán				
Số cuối kỳ	26.907.412.136	195.454.545	290.909.090	27.393.775.771
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.157.309.448	31.556.818	-	1.188.866.266
Khấu hao trong kỳ	757.097.202	16.570.071	9.696.972	783.364.245
Thanh lý, nhượng bán	(536.917.479)	(11.479.167)	-	(548.396.646)
Giảm khác				
Số cuối kỳ	1.377.489.171	36.647.722	9.696.972	1.423.833.865
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	34.125.042.688	239.897.727	290.909.090	34.655.849.505
Số cuối năm/kỳ	25.529.922.965	158.806.823	281.212.118	25.969.941.906

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	25.000.000	
Chi phí CCDC xuất dùng		34.958.228
Cộng	25.000.000	34.958.228

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí CCDC xuất dùng	41.503.127	121.371.875
Cộng	41.503.127	121.371.875

9. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

9a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư AFX	2.300.000.000	2.300.000.000	117.400.000	117.400.000
Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	748.373.520	748.373.520	287.750.000	287.750.000
Lê Thị Định	394.815.347	394.815.347	-	-
Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đoàn	2.104.000.000	2.104.000.000	-	-
Các đối tượng khác	481.272.445	481.272.445	40.000.000	40.000.000
Cộng	6.028.461.312	6.028.461.312	445.150.000	445.150.000

10. Người mua trả tiền trước

10a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Phát triển Miền Núi		413.100.000
Chi nhánh TNHH MTV 207-Chi nhánh 207-6	80.000.000	
Hoàng Thế Quân	82.109.643	
Nguyễn Quý Toàn	359.493.091	
Cộng	521.602.734	413.100.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối quý</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT		222.621.545	188.565.430	34.056.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.397.255.358	610.623.070	1.382.804.768	625.073.660
Cộng	1.397.255.358	833.244.615	1.571.370.198	659.129.775

12. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

12a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	6.572.800	
Bảo hiểm y tế	1.137.600	
Bảo hiểm thất nghiệp	505.600	
Kinh phí công đoàn	13.423.600	
Cộng	21.639.600	

13. Vốn chủ sở hữu

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu kỳ trước	4.500.000.000	(930.514.764)	3.569.485.236
Tăng vốn trong kỳ trước	45.500.000.000	-	45.500.000.000
Lãi kỳ trước	-	5.071.703.744	5.071.703.744
Số dư cuối kỳ trước	50.000.000.000	4.141.188.980	54.141.188.980
Số dư đầu kỳ này	50.000.000.000	4.141.188.980	54.141.188.980
Lãi trong kỳ		2.164.936.337	2.164.936.337
Số dư cuối kỳ này	50.000.000.000	6.306.125.317	56.306.125.317

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm nay</u>
Doanh thu bán hàng hóa	98.975.000.000
Doanh thu xây lắp	1.088.715.455
Cộng	100.063.715.455

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm nay</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	97.426.505.448
Giá vốn của hoạt động xây lắp	833.472.368
Cộng	98.259.977.816

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	
Lãi tiền gửi		135.815
Cộng		135.815

4. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.502.911.191
Cộng		1.502.911.191

5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.775.559.407
Thu nhập tính thuế		2.775.559.407
Chi phí thuế TNDN hiện hành		610.623.070

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: vốn điều lệ, cổ phiếu ngân quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

Khoản mục	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền, các khoản tương đương tiền	422.822.510	422.822.510
Đầu tư tài chính dài hạn		
Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng	8.731.596.265	8.731.596.265
Các khoản phải thu dài hạn khách hàng	181.077.200	90.538.600
Trả trước cho người bán	6.711.091.000	6.711.091.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu dài hạn khác		

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

<u>Khoản mục</u>	<u>Số dư cuối quý</u>
Vay và nợ ngắn hạn	
Vay và nợ dài hạn	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.028.461.312
Người mua trả tiền trước	521.602.734
Phải trả khác	21.639.600

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

<u>Đối tượng</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Phải trả người bán	6.028.461.312		
Người mua trả trước	521.602.734		
Phải trả khác	21.639.600		
Vay ngắn hạn			
Vay dài hạn			

2. Thông tin khác

Trong năm Công ty có phát sinh giao dịch lớn với Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc như sau:

<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
Mua hàng hóa (hạt tiêu)	86.150.000.000
Bán hàng hóa (hạt tiêu)	86.400.000.000
Thanh toán bù trừ công nợ	86.150.000.000

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu tại ngày 31/12/2014 trên Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

Đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ.

